

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH (03 THÁNG)

Quý I năm 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Văn phòng HĐND - UBND xã Nam Đàn công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.366.785.000	3.983.284.175	22,94	
I	Nguồn ngân sách trong nước	17.366.785.000	3.983.284.175	22,94	
1	Chi quản lý hành chính	14.575.885.000	3.457.273.293	23,72	
	011 - Quốc phòng	301.377.000	169.354.740	56,19	
1.1	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	301.377.000	169.354.740	56,19	
	041 - An ninh và trật tự an toàn xã hội	1.401.640.000	289.800.000	20,68	
1.1	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	1.401.640.000	289.800.000	20,68	
	341 - Quản lý nhà nước	12.872.868.000	2.998.118.553	23,29	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	8.410.000.000	1.812.391.053	21,55	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	4.462.868.000	1.185.727.500	26,57	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	2.400.000			
	098 - Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác	2.400.000			
2.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.400.000			
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	139.400.000			
	139 - Y tế khác	139.400.000			
3.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	139.400.000			
4	Chi bảo đảm xã hội	1.130.100.000	509.463.600	45,08	
	371 - Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	180.900.000	160.500.000	88,72	
4.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	180.900.000	160.500.000	88,72	
	398 - Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	949.200.000	348.963.600	36,76	
4.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	949.200.000	348.963.600	36,76	
5	Chi hoạt động kinh tế	1.324.400.000	16.547.282	1,25	
	281 - Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp	979.400.000			
5.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	979.400.000			
	283 - Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	15.000.000			

Đơn vị: Văn phòng HĐND - UBND xã Nam Đàn

Chương: 830

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
5.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	15.000.000			
	312 - Kiến thiết thị chính	250.000.000	16.547.282	6,62	
5.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	250.000.000	16.547.282	6,62	
	338 - Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác	80.000.000			
5.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	80.000.000			
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	120.800.000			
	278 - Bảo vệ môi trường khác	120.800.000			
6.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	120.800.000			
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	50.000.000			
	161 - Văn hóa	50.000.000			
7.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	50.000.000			
8	Chi khác	23.800.000			
	428 - Khác ngân sách	23.800.000			
8.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	23.800.000			

Ngày 02 tháng 4 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

VĂN PHÒNG (Chữ ký, dấu)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN - ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ NAM ĐÀN - T. NGHỆ AN

Nguyễn Văn Dương